TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 22/10/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Trương Thị Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXX-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoản phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm: 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện P1, tỉnh Bình Định.
Bị đơn: Ông Trương Cao V, sinh năm: 1964 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1966(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Đường N, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Đinh Thị T1, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện P1, tỉnh Bình Định
(chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Xuân T trình bày:

Vào ngày 28/3/2019, vợ chồng ông Trương Cao V - bà Nguyễn Thị P có vay của vợ chồng anh số tiền 80.000.000đ. Việc vay tiền các bên có viết Giấy mượn tiền và làm "Giấy cam đoan" được công chứng tại Văn phòng Công chứng Quang Trung, thị trấn N2, huyện P1. Anh xác định số tiền nợ trong Giấy cam đoan chính là số nợ mà các bên đã viết trong Giấy mượn tiền. Việc giao tiền tại nhà anh, thời

hạn trả nợ là 2 năm tức là ngày 28/3/2021 trả tiền, lãi trong hạn theo thỏa thuận, còn lãi quá hạn nếu sau ngày 28/3/2021 mà ông V - bà P không trả số tiền trên thì phải chịu lãi suất 20%/năm. Trong thời gian qua ông V – bà P đã trả được 16.000.000đ tiền lãi, khi trả lãi, các bên không viết và ký tên vào bất cứ văn bản gì. Quá hạn trả nợ nhiều lần anh đến đòi tiền nhưng bên vay cố tình trốn tránh. Vợ chồng anh kết hôn vào năm 2016. Nguồn gốc số tiền mà anh cho ông V – bà P vay là số tiền chung của vợ chồng. Nay Phạm Xuân T yêu cầu vợ chồng ông Trương Cao V – bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền vay gốc 80.000.000đ và yêu cầu tính lãi, cụ thể lãi trong hạn tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/3/2021 anh yêu cầu tính theo quy định của pháp luật anh thừa nhận số tiền lãi bị đơn đã trả 16.000.000đ và tiền lãi quá hạn từ ngày 29/3/2021 cho đến nay lãi suất 20%/năm.

Bị đơn ông Trương Cao V và bà Nguyễn Thị P vắng mặt nên không có lời trình bày. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông V - bà P được biết nhưng không có văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông V – bà P vẫn cố tình vắng mặt. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và tiến hành hòa giải được nên trong hồ sơ không thể hiện lời khai của bị đơn. Bị đơn bà P nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký biên bản giao nhận. Công an địa phương xác nhận bà P hiện có mặt ở địa phương.

Theo bản tự khai và biên bản ghi lơi khai ngày 26/4/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị T1 trình bày: Chị là vợ của anh Phạm Xuân T. Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của anh Phạm Xuân T, ngoài ra chị không bổ sung gì thêm. Việc Phạm Xuân T cho vợ chồng ông V - bà P vay tiền chị biết nhưng khi giao dịch một mình Phạm Xuân T, số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng. Nay chị yêu cầu vợ chồng ông Trương Cao V - bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị số tiền vay gốc 80.000.000đ và phải trả lãi theo hợp đồng lãi quá hạn 20%/năm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Còn về chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng đối với Phạm Xuân T và chị T1 thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn ông V - bà P không có mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản theo quy định tố tụng dân sự nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Phạm Xuân T buộc vợ chồng ông V - bà P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền vay gốc 80.000.000đ, và tiền lãi trong hạn 10%/năm, lãi quá hạn 20%/năm khấu trừ 16.000,000đ tiền lãi bị đơn đã trả.

Về án phí: Vợ chồng ông Trương Cao V - bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Phạm Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trương Cao V và bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà P và chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu số tiền vay gốc:

Quá trình tố tụng Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vắng mặt. Bị đơn không đến Tòa làm việc, từ bỏ quyền tham gia tố tụng vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết.

Chứng cứ Phạm Xuân T đưa ra để yêu cầu khởi kiện là Giấy mượn tiền ghi ngày 28/3/2019 có chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông Trương Cao V - bà Nguyễn Thị P ký và ghi dưới mục *người mượn* với nội dung "*Tôi tên Trương Cao V, số CM: 210437461 vợ Nguyễn Thị P SCM: 211080786 có mượn vợ chồng em Phạm Xuân T- Đinh Thị T1 số tiền là 80.000.00 (Tám chục triệu)...*" Cùng thời điểm viết giấy mượn tiền và nhận tiền ông V - bà P có làm "Giấy cam đoan" và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Quang Trung, thị trấn N2, huyện P1 với nội dung thể hiện giấy cam đoan "Chúng tôi Trương Cao V - Nguyễn Thị P nợ ông Phạm Xuân T số tiền *80.000.000 VNĐ (Tám mươi triệu đồng Việt Nam, cam đoan đến ngày 28/3/2021 sẽ thanh toán số tiền trên sau ngày 28/3/2021 mà chưa trả tiền thì cam kết trả lãi số tiền trên theo lãi suất 20%/năm)...",* ông V – bà P ký tên dưới mục người cam đoan và công chứng viên đã chứng thực nội dung cam đoan của ông V- bà P cụ thể số chứng thực 215, quyển số 01/2019-SCT/CK,ĐC của Văn phòng công chứng Quang Trung, tỉnh Bình Định.

Phạm Xuân T xác định số tiền nợ trong Giấy cam đoan chính là số nợ đã ghi trong Giấy mượn tiền. Việc chứng thực xác định chữ ký và chữ viết Trương Cao V – Nguyễn Thị P trong giấy cam kết trên đúng là của họ. Nên HĐXX xác định Ông V - bà P vay 80.000.000.đ của vợ chồng Phạm Xuân T là có cơ sở, thể hiện hợp đồng vay có kỳ hạn thỏa mãn tại Điều 463 và 470 BLDS.

[2.2] ***Về yêu cầu tính lãi suất:*** Theo giấy cam kết thể hiện thời hạn trả tiền là 02 năm, lãi suất quá hạn là 20%/năm còn lãi Phạm Xuân T xác định hai bên có thỏa thuận lãi trả hàng tháng trong hạn 3.200.000đ/tháng nhưng bị đơn trả có lần 1.000.000đ, có lần 2.000.000đ, tổng số tiền lãi trả là 16.000.000đ ông V và bà P là người trả anh là người nhận, khi giao nhận tiền lãi này không có viết giấy tờ gì. Qua trên thể hiện lãi suất trong hạn hiện chỉ có nguyên đơn trình bày ghi nhận số tiền lãi trả là 16.000.000đ, trường hợp này xác định vay có lãi, nhưng không thể hiện lãi suất thỏa thuận trong hạn nên áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS với mức

lãi suất tính là 10% năm, còn lãi suất quá hạn thỏa thuận 20%/năm thỏa mãn tại khoản 1 Điều 468 BLDS, lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 28/3/2019 đến 28/3/2021 là 731 ngày, lãi suất 10%/năm. Tổng lãi trên nợ gốc là 16.021.918đ.

Quá trình trả lãi, nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền trả lãi tổng cộng là 16.000.000đ nên bị đơn còn trả thiếu tiền lãi là 21.918đ. Số lãi này cộng vào tiền lãi của kỳ trả nợ sau.

Nợ từ 29/3/2021 đến ngày xét xử 22/10/2021 là 207 ngày, lãi suất theo thỏa thuận là 20%/năm, tổng lãi là 9.073.973đ.

Vậy số tiền lãi vợ chồng ông V- bà P phải trả là:

9.079.973đ + 21.918đ ≈ 9.096.000đ.

[2.3] ***Về nghĩa vụ trả nợ:*** Vợ chồng ông V - bà P có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng Phạm Xuân T - chị T1 tổng số tiền là 89.096.000đ (trong đó tiền gốc là 80.000.000đ và tiền lãi là 9.096.000đ) khi bản án có hiệu lực.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm*:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vợ chồng ông V - bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 89.096.000đ x 5% = 4.454.800đ. Phạm Xuân T không phải chịu án phí, hoàn trả lại 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí cho Phạm Xuân T.

[3] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357 và Điều 429, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân T, buộc ông Trương Cao V và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Phạm Xuân T - chị Đinh Thị T1 tổng số tiền là 89.096.000đ (Tám mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc là 80.000.000đ và tiền lãi là 9.096.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Trương Cao V và bà Nguyễn Thị P phải chịu 4.454.800đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí cho Phạm Xuân T theo biên lai thu tiền số 0004752 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

3. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Xuân T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Cao V, bà Nguyễn Thị Phượng và chị Đinh Thị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Kiều Oanh